

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG THỰC HÀNH CÂU HỎI ĐỌC HIỂU IELTS TRUE/ FALSE/ NOT GIVEN CỦA SINH VIÊN NĂM BA NGÔN NGỮ ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

NGUYỄN THỊ THANH TÂM*

TÓM TẮT: Ngày nay IELTS đã trở thành hệ thống kiểm tra, đánh giá tiếng Anh quốc tế uy tín trên thế giới, vì vậy việc dạy và học các kỹ năng thực hành nghe, nói, đọc, viết theo hệ thống IELTS rất được coi trọng. Đọc hiểu IELTS đòi hỏi khả năng xử lý lượng kiến thức khá lớn về từ vựng, cấu trúc, kỹ thuật và nội dung bài đọc trong thời gian giới hạn, nên đọc IELTS là một thách thức lớn đối với sinh viên. Ngoài ra, nhiều dạng bài tập đòi hỏi sinh viên phải biết cách sử dụng linh hoạt các kỹ thuật đọc phức tạp, gây không ít khó khăn cho sinh viên khi thực hành. Bài báo này nhằm tìm hiểu các khó khăn khi giải quyết câu hỏi đọc hiểu IELTS True/ False/ Not given của sinh viên ngôn ngữ Anh năm ba tại Trường Đại học Quy Nhơn, từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp giải quyết các vấn đề này một cách hiệu quả.

TỪ KHÓA: Khó khăn; kỹ năng đọc; đọc IELTS; câu hỏi True/ False/ Not given; giải pháp.

NHẬN BÀI: 21/05/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 09/09/2026

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, chứng chỉ của hệ thống đánh giá tiếng Anh quốc tế IELTS đã trở thành một trong số các điều kiện đạt chuẩn để sinh viên (SV) ngành sư phạm tiếng Anh (SPA) tốt nghiệp hoặc SV ngành ngôn ngữ Anh (NNA) khẳng định năng lực của mình trong kỹ năng thực hành tiếng theo chương trình đào tạo của Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN). Kỹ năng đọc hiểu theo hệ thống kiểm tra đánh giá IELTS học thuật ở trình độ cao đòi hỏi người học cần có vốn từ lớn, nắm rõ các cấu trúc tiếng Anh phức tạp, hiểu biết về đa dạng đề tài, cũng như thành thạo trong kỹ thuật xử lý nhiều dạng bài tập khác nhau với tư duy phản biện. SV NNA Trường ĐHQN được định hướng thực hành theo hệ thống đánh giá IELTS học thuật từ năm thứ nhất đến năm thứ ba qua Đọc 1, Đọc 3, Đọc 4 và Đọc 5. Ở Đọc 1, SV được tiếp cận và làm quen các dạng bài tập đọc hiểu IELTS và vốn từ cần thiết để thực hành các bài đọc IELTS ở trình độ cơ sở. Qua Đọc 3, SV bắt đầu nhận diện các kỹ thuật đọc cơ bản như *skimming* (đọc lướt), *scanning* (đọc quét), *paraphrase* (diễn đạt lại) và ứng dụng kỹ thuật để xử lý các dạng bài tập đọc hiểu IELTS ở trình độ trung cấp. Đến Đọc 4, ở học kỳ thứ 5 của khóa học, SV được yêu cầu nắm vững các dạng bài tập đọc hiểu IELTS và các kỹ thuật xử lý để giải quyết các bài tập đọc hiểu IELTS trên trung cấp một cách hiệu quả. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu các khó khăn hay vướng mắc của SV năm ba ở Đọc 4 giúp giảng viên (GV) nhận diện và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong thực hành đọc hiểu của SV ở cấp cơ sở, từ đó cải thiện kỹ năng đọc hiểu của SV ở Đọc 4, và giúp SV từng bước hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản trước khi tiếp thu các kỹ thuật nâng cao ở Đọc 4.

True/ False/ Not given (Đúng/ Sai/ không có thông tin) là một dạng bài tập được đánh giá khó vì ngoài những yêu cầu đã nêu thì câu hỏi gây khó với đặc điểm nhiều lựa chọn như câu hỏi *multiple choice* (đa lựa chọn) - chọn *True* hoặc *False*, hoặc *Not given* - trong đó một lựa chọn dễ gây nhiễu và khó xác định là *Not given*. Qua nhiều năm giảng dạy, chúng tôi nhận thấy SV dễ nhầm lẫn giữa lựa chọn *True* hoặc *False* với *Not given* khi SV thiếu kiến thức từ vựng hoặc cấu trúc để xác định thông

*Trường Đại học Quy Nhơn; Email: nguyentttam@qnu.edu.vn

tin liên quan với câu hỏi hoặc yếu khả năng lập luận để xác định lựa chọn đúng. Để nhận diện những vấn đề mà SV có thể gặp trong quá trình thực hành câu hỏi đọc hiểu *True/ False/ Not given*, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này nhằm xác định những tồn tại trong SV NNA năm ba Trường ĐHQN khi giải quyết câu hỏi IELTS *True/ False/ Not given*, từ đó đưa ra những lưu ý phù hợp cho GV hướng dẫn luyện tập cho SV, cũng như có những yêu cầu hợp lý cho SV khi thực hành câu hỏi này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về đọc hiểu IELTS như luận văn đại học của Nguyễn Nhật Thu Trà (2016), Võ văn Nhân (2017) và Lê Nguyễn Thuỳ Duyên (2026). Nguyễn Nhật Thu Trà (2016) đã đề cập đến lỗi của SV NNA năm ba trường ĐHQN trong nhận thức về cách sử dụng kỹ thuật đọc trong một số bài tập tiêu biểu trong đó có dạng bài *True/ False/ Not given*, với 73% trong số 100 SV được khảo sát không nhận diện được sự khác biệt giữa 2 dạng bài tập *True/ False/ Not given* và *Yes/ No/ Not given* và 69% cảm thấy bài tập *True/ False/ Not given* khó vì không hiểu được các lựa chọn và không xác định được thông tin liên quan. Võ văn Nhân (2017) cũng đã nghiên cứu cách làm bài tập *True/ False/ Not given* của SV NNA năm 3 Trường ĐHQN. Luận văn tập trung vào điều tra cách thức, cụ thể là các bước, thực hiện khi SV tiến hành làm bài tập và so sánh với hướng dẫn của chuyên gia để xem các thao tác đó có phù hợp hay không, hơn là xác định liệu họ có làm được hay không hay có gặp khó khăn ở bước nào. Lê Nguyễn Thuỳ Duyên (2026) cũng đã thực hiện khảo sát những khó khăn trong hoạt động đọc hiểu của SV SPA năm nhất, tập trung vào các yếu tố như rào cản ngôn ngữ, hạn chế về kiến thức nền, khả năng nhận thức hay khả năng sử dụng kỹ thuật đọc và xử lý bài tập, nhưng không đi vào cụ thể dạng bài tập nào. Đặc biệt công trình nghiên cứu của Võ Thị Diễm My và một số đồng tác giả (2023) đã tìm hiểu các khó khăn trong đọc hiểu IELTS và các chiến lược được sử dụng để khắc phục các khó khăn đó của 89 SV chuyên ngành tiếng Anh thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao tại Đại học Cần Thơ. Công trình đã tìm ra được một số khó khăn trong hoạt động đọc hiểu IELTS nói chung như thiếu từ vựng, thiếu thời gian, không hiểu câu hỏi, không hiểu hướng dẫn, hiểu câu hỏi nhưng không tìm ra đáp án, tuy nhiên tác giả cũng không đi sâu vào một dạng bài tập cụ thể nào. Vì vậy hiện vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào các khó khăn cụ thể khi thực hành câu hỏi đọc hiểu IELTS *True/ False/ Not Given* của SV NNA năm ba Trường ĐHQN.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Quá trình đọc

Theo Alderson (2000), quá trình đọc là quá trình tương tác giữa người đọc với văn bản, người đọc nghĩ về những gì mình đang đọc: nó có ý nghĩa gì với họ, nó có liên quan gì với những gì họ đã đọc, với những gì họ biết, và dự đoán những gì sẽ diễn ra tiếp theo trong bài đọc như vậy. Alderson cho rằng quá trình luôn khác biệt và thay đổi đối với cùng một người đọc, cùng một văn bản nhưng ở những thời điểm khác nhau hay mục đích đọc khác nhau. Hơn nữa quá trình này sẽ càng khác biệt với những người đọc khác nhau, văn bản khác nhau, ở những thời điểm khác nhau và mục đích đọc khác nhau. Kết quả của quá trình này tựu chung là cách hiểu văn bản: ý nghĩa nào được nhận biết và cảm nhận của người đọc là gì.

2.2.2. Sản phẩm của quá trình đọc

Alderson (2000) xác nhận kết quả của quá trình đọc là việc người đọc rút kết ý nghĩa tiềm năng của văn bản thông qua quá trình họ thực hiện tương tác với văn bản. Kết quả này thay đổi tùy thuộc vào các biến số của người đọc và các biến số của văn bản. Các biến số của người đọc như là kiến thức nền, cấu trúc nhận thức, kiến thức ngôn ngữ, hiểu biết về thể loại văn bản được đọc, siêu nhận thức (kiến thức về chiến lược, kỹ thuật), kiến thức siêu ngôn ngữ (nhận biết mối tương quan giữa các câu), kiến thức về nội dung, chủ đề văn bản, nhận thức về văn hóa, thể giới. Ngoài ra, biến số của người đọc không chỉ nằm ở hiểu biết của họ mà khả năng thực hiện của họ như khả năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý bài đọc, mục đích đọc, động cơ, sở thích, v.v. Các biến số của văn bản như là

chủ đề, nội dung, thể loại văn bản, có tính văn học hay không, kiểu chữ, kết cấu văn bản, hình thức trình bày thông tin bằng lời và phi lời (hình ảnh minh họa, sơ đồ), v.v.

2.2.3. Mức độ hiểu văn bản

Theo Alderson (2000), có 3 mức độ hiểu văn bản. Hiểu văn bản bởi lời (*reading 'the lines'*), hiểu hàm ý thông tin qua lời (*reading 'between the lines'*) và hiểu văn bản ngoài lời (*reading 'beyond the lines'*) - đánh giá phản biện của người đọc đối với văn bản, cảm nhận chung của người đọc về văn bản. Ngoài ra còn có cách hiểu phổ biến trong đọc hiểu là hiểu ý chính và hiểu ý chi tiết.

2.2.4. Các biến số đọc hiểu

+ Kiến thức về ngôn ngữ văn bản

Heaton (1988) nhận định mức độ khó của một bài đọc chủ yếu phụ thuộc vào độ khó, phức tạp của cấu trúc và từ vựng của ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Alderson (2000) cũng khẳng định từ lâu từ vựng được xem là yếu tố quan trọng trong đánh giá khả năng đọc hiểu của người đọc ở ngôn ngữ thứ nhất, và với ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ, kiến thức ngôn ngữ được xem là điều kiện tiên quyết trước khi đánh giá khả năng đọc hiểu. Ngoài từ vựng, kiến thức về âm vị, chính tả, hình vị, cú pháp, ngữ nghĩa và cấp độ diễn ngôn của cả ngôn ngữ thứ nhất và hai đều tác động đến khả năng hiểu của người đọc đối với một văn bản.

+ Chủ đề và nội dung của văn bản

Theo Alderson (2000), những bài đọc về tình huống quen thuộc, đề tài hàng ngày thì dễ hiểu hơn các tình huống khác. Tương tự, những bài đọc có chủ đề liên quan đến các sự vật, sự việc cụ thể thì dễ hiểu hơn những bài đọc về các vấn đề trừu tượng. Ông cũng cho rằng đề tài nghệ thuật nhân văn, khoa học xã hội thì dễ cảm nhận hơn đề tài khoa học kỹ thuật vì nhiều người dễ tiếp nhận thông tin liên quan thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ông cũng nêu trong trường hợp cụ thể thì một đề tài xa lạ với người này cũng có thể là quen thuộc với người khác tùy theo trải nghiệm và tích lũy kiến thức của mỗi người.

+ Loại bài tập đọc hiểu

Heaton (1988) đề xuất có rất nhiều cách khác nhau để đánh giá khả năng đọc hiểu thông qua các dạng bài tập khác nhau. Jakeman & McDowell (2006) khẳng định các dạng bài tập khác nhau để đánh giá các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như đọc lấy ý chính, lấy ý chi tiết, nhận diện quan điểm, phát ngôn hay hiểu ý toàn bài, vân vân. Alderson (2000) cho rằng một bài tập đọc hiểu khó hay không tùy thuộc vào chủ đề bài đọc, ngôn ngữ văn bản, kiến thức nền và dạng bài tập.

+ Kỹ năng đọc hiểu

Alderson (2000) nhận xét khả năng đọc hiểu không chỉ là khả năng nhận biết ngôn ngữ mà còn là kỹ năng xử lý thông tin, xử lý bài đọc. Ông khẳng định trả lời một câu hỏi đọc hiểu thường cần đến nhiều kỹ năng liên quan hơn là chỉ một kỹ năng đơn lẻ hay phần lớn là như vậy.

2.2.5. Kỹ thuật xử lý bài tập True/ False/ Not given

Theo Jakeman và McDowell (2006), phương án xử lý câu hỏi *True/ False/ Not given* được thực hiện theo các bước như sau:

- + Đọc kỹ các câu phát biểu đã cho;
- + Gạch chân từ khóa trong câu nói đầu tiên và quét tìm những từ này để xác định thông tin và phần bài liên quan đến câu hỏi;
- + Đọc xung quanh các từ liên quan đó để nhận diện thông tin trong bài trùng khớp hay đối lập với phát biểu đã cho hay không xác định được;
- + Quyết định câu trả lời là đúng, sai, hay không cho dựa vào nhận định có được.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Loại hình nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp định tính và định lượng. Trước hết, dựa trên cơ sở lý thuyết để xác định đặc điểm, tính chất vấn đề SV có thể gặp trong quá trình xử lý câu hỏi *True/ False/ Not given* để thiết kế bảng câu hỏi. Phương pháp định lượng được xác định dựa vào mức độ ảnh hưởng của các vấn đề đó theo phần trăm SV lựa chọn.

2.3.2. Thu thập và phân tích dữ liệu

Đối tượng khảo sát là 100 SV NNA năm 3 được lựa chọn ngẫu nhiên ở 3 lớp NNA Trường ĐHQN đầu học phần Đọc 4, học kỳ I năm học 2025-2026.

Bảng câu hỏi bao gồm 10 câu hỏi. 4 câu hỏi đầu nhằm xác định kinh nghiệm và cảm nhận chung của SV về các bài tập đọc hiểu IELTS; 6 câu hỏi sau nhằm xác định vấn đề cụ thể mà SV gặp phải khi làm câu hỏi *True/false/not Given*.

Số liệu thu thập được sẽ được sắp xếp theo tiêu chí:

+ Khó khăn của SV khi làm các bài tập đọc hiểu IELTS

+ Khó khăn của SV khi làm các bài tập đọc hiểu IELTS *True/false/not Given*

Các số liệu này sẽ được lượng hóa thành phần trăm (%) để xác định mức độ ảnh hưởng của vấn đề đối với SV. Từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp cho GV khi hướng dẫn SV ở học phần Đọc 4, cũng như một số lưu ý đối với SV khi thực hành câu hỏi này.

2.4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.4.1. Những khó khăn khi làm bài tập đọc hiểu IELTS

Phần lớn SV (76%) đã luyện tập bài tập đọc hiểu IELTS từ một năm trở lên. Đây là một khoảng thời gian đủ dài để SV hiểu và nắm bắt các dạng bài tập đọc hiểu IELTS nói chung và bài tập đọc hiểu *True/false/ Not given* nói riêng, cũng như các kỹ thuật cần thiết liên quan đến các dạng bài tập đọc hiểu này.

Bảng 1. Thời gian luyện tập bài tập đọc hiểu của SV

Thời gian luyện tập bài tập đọc hiểu IELTS	Số SV (%)
Dưới 1 năm	24
Một năm	43
Hai năm	25
Hơn 2 năm	8

Tuy nhiên, đại đa số SV (88%) đều cho rằng các bài tập đọc hiểu IELTS là dạng bài tập khó (từ khá khó đến rất khó), chỉ có 9% SV nhận định là hơi khó và 1 % không nhận thấy khó. Như vậy, hầu hết SV đều thừa nhận bài tập đọc hiểu IELTS là khó.

Bảng 2. Mức độ khó của bài tập đọc hiểu IELTS

Mức độ khó của bài tập đọc hiểu IELTS	Số SV (%)
Không khó	1
Hơi khó	9
Khá khó	44
Rất khó	44
Không xác nhận	2

Theo phần lớn SV (70%), nguyên nhân chính là việc đa dạng từ vựng gây trở ngại cho các em khi giải quyết các bài tập đọc hiểu IELTS, tiếp theo là yếu tố cấu trúc ngữ pháp (37%). Yếu tố kỹ thuật xử lý bài tập đọc hiểu IELTS chỉ nhỉnh hơn một phần ba lượng SV được khảo sát (34%). Như vậy yếu tố ngôn ngữ (từ vựng và cấu trúc ngữ pháp) là trở ngại lớn nhất của SV. Qua đây, SV đã thừa nhận hạn chế kiến thức về ngôn ngữ của họ khi giải quyết các bài tập đọc hiểu IELTS. Một phần nhỏ SV cũng xác nhận đa dạng chủ đề cũng gây không ít khó khăn cho các em trong việc thực hành bài tập đọc hiểu IELTS.

Bảng 3. Tác nhân gây khó trong bài tập đọc hiểu IELTS

Tác nhân gây khó trong bài tập đọc hiểu IELTS	Số SV (%)
Đa dạng từ vựng	70
Cấu trúc ngữ pháp phức tạp	37
Đa dạng chủ đề	17
Kỹ năng và tiêu kỹ năng đọc khó	34

Dạng bài tập nào cũng có SV cảm thấy khó: Ít nhất là 11% SV đối với bài tập *Matching information* (nối thông tin với đoạn văn), cho đến cao nhất là 41% SV cảm thấy khó giải đối với bài tập *Matching headings* (nối tiêu đề với đoạn văn). Tuy nhiên ba dạng bài tập mà SV cảm thấy khó nhất là *Matching headings* (nối tiêu đề với đoạn văn) (41%), *Completing notes, summary and flow charts* (điền thông tin vào đồ thị, bài tóm tắt và ghi chú) (36%) và *True/ False/ Not given* (35%). Hơn một phần ba SV được khảo sát đều cảm thấy đây là 3 dạng bài tập khó nhất trong các bài tập đọc hiểu IELTS.

Bảng 4. Ba dạng bài tập đọc hiểu IELTS khó nhất

Dạng bài tập đọc hiểu IELTS	Số SV (%)
<i>Matching headings</i>	41
<i>Sentence completion</i>	22
<i>True/False/ not given questions</i>	35
<i>Yes/ No/ Not given questions</i>	28
<i>Multiple- choice questions</i>	17
<i>Matching sentence endings</i>	15
<i>Completing tables or diagram</i>	24
<i>Completing notes, summary and flow charts</i>	36
<i>Matching information</i>	11
<i>Matching features</i>	13
<i>Short-answer questions</i>	16
Không xác nhận	14

Tóm lại, đa phần SV (88%) thừa nhận bài tập đọc hiểu IELTS là khó và *True/ False/ Not given* là một trong các dạng bài tập khó nhất. Tuy hơn hai phần ba SV (70%) cho rằng vấn đề của họ đối với bài tập đọc hiểu IELTS là do hạn chế từ vựng và cấu trúc ngữ pháp (37%), 34% SV cũng không phủ nhận kỹ năng và tiêu kỹ năng đọc hiểu khó lĩnh hội.

2.4.2. Những khó khăn khi làm bài tập đọc hiểu IELTS *True/ False/ Not given*

Riêng về bài tập *True/ False/ Not given* thì hơn một nửa SV được khảo sát (71%) thừa nhận đây là bài tập khó, trong đó 55% cho rằng khá khó và 16% xác nhận là rất khó. Tuy nhiên cũng có hơn một phần tư SV nhận định là chỉ hơi khó (25%) hay là không khó (2%).

Bảng 5. Mức độ khó của câu hỏi *True/ False/ Not given*

Mức độ khó của câu hỏi <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Không khó	2
Hơi khó	25
Khá khó	55
Rất khó	16
Không xác nhận	2

Khảo sát về nhân tố gây ra khó khăn trong việc thực hành câu hỏi *True/ False/ Not given* (theo bảng 6), SV nhận định yếu tố gây nhiều *Not given* là then chốt với 49% lựa chọn. Khoảng 1/3 SV (35%) cũng xác nhận việc đa lựa chọn của câu hỏi *True/ False/ Not given* cũng là một thách thức, cũng như việc diễn lại nghĩa câu hỏi cho dễ hiểu (34%) và xác định phần bài đọc liên quan đến câu hỏi (33%) là một trở ngại. Các biến số trong câu hỏi về định lượng, định tính cũng gây không ít khó khăn cho 29% SV được hỏi. Chỉ có 6% SV còn băn khoăn về cách xác định từ khóa trong câu hỏi.

Bảng 6. Nhân tố gây ra khó khăn trong việc thực hành câu hỏi *True/ False/ Not given*

Nhân tố gây ra khó khăn trong việc thực hành câu hỏi <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Yếu tố gây nhiều của lựa chọn <i>Not given</i>	49
Đa lựa chọn của câu hỏi <i>True/ False/ Not given</i>	35

Diễn giải câu hỏi cho dễ hiểu	34
Xác định từ khóa trong câu hỏi	6
Xác định nghĩa của câu hỏi	26
Xác định phần bài đọc liên quan với câu hỏi	33
Biên số trong câu hỏi (định lượng, định tính, tần suất, ...)	29

Về cách làm bài tập đọc hiểu IELTS *True/ False/ Not given*, hầu hết các em (88%) đều từ khá chắc chắn đến hoàn toàn chắc chắn về cách làm, chỉ có một nhóm nhỏ SV (12%) là không chắc. Tuy nhiên, phần lớn SV (63%) vẫn nằm ở ngưỡng khá chắc chắn, nghĩa là các em vẫn chưa đủ tự tin khi thực hiện dạng bài tập này. Điều này thể hiện rõ nét trong cách sử dụng kỹ thuật đọc hiểu để giải quyết câu hỏi *True/ False/ Not given*.

Bảng 7. Mức độ chắc chắn về cách làm bài tập đọc hiểu IELTS *True/ False/ Not given*

Mức độ chắc chắn về cách làm bài tập đọc hiểu IELTS <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Không chắc	12
Khá chắc chắn	63
Hầu như chắc chắn	23
Tuyệt đối chắc chắn	2

Trong kỹ thuật sử dụng để giải quyết hiệu quả bài tập đọc hiểu *True/ False/ Not given*, hơn một nửa SV tập trung vào kỹ thuật xác định từ khóa trong câu hỏi (57%) và tìm ý tương đương trong bài (58%). Đây là điểm chính yếu trong cách giải quyết bài tập này. Tuy nhiên, SV không biết rằng để thực hiện việc tìm ý tương đương trong bài từ các từ khóa trong câu hỏi các em cần phải sử dụng hữu hiệu kỹ thuật *skimming* (đọc lướt) và *scanning* (đọc quét). *Skimming* để tìm thấy đoạn bài đọc có chủ đề liên quan, *scanning* để xác định chính xác phần liên quan với câu hỏi. Và SV cần xác định nghĩa của câu hỏi trước khi quét tìm thông tin tương đương, vì phần lớn từ khóa trong câu hỏi chỉ được thể hiện ở dạng đồng nghĩa trong bài. Thế nhưng chỉ có khoảng một phần ba SV (30%) quan tâm đến các kỹ thuật này (kỹ thuật đọc lấy ý chính và xác định nghĩa của câu hỏi) và 37% cho kỹ thuật *scanning*. Điều này khẳng định nhiều SV vẫn còn mơ hồ về cách xác định phần ý tương đương với câu hỏi.

Bảng 8. Kỹ thuật đọc hiểu sử dụng cho bài tập đọc hiểu IELTS *True/ False/ Not given*

Kỹ thuật đọc hiểu sử dụng cho bài tập đọc hiểu IELTS <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
<i>Skimming</i>	30
<i>Scanning</i>	37
Xác định từ khóa	57
Xác định ý tương đương với câu hỏi	58
Xác định nghĩa câu hỏi	30

Chính vì thế hơn 2/3 SV (69%) xác nhận không nắm được cách xác định từ tương đương hay ý tương đương trong bài đọc với câu hỏi. Việc thiếu từ vựng đã khiến các em khó có thể thực hành các kỹ thuật *scanning* hay *skimming* để hỗ trợ phần tìm ý tương đương trong bài dù chỉ có một phần nhỏ SV thừa nhận không nắm được hai kỹ thuật này - 20% không biết cách đọc lướt lấy ý chính và 13% không biết cách sử dụng kỹ thuật đọc quét tìm thông tin cụ thể. Điều này thể hiện ở gần 1/3 SV được khảo sát (32%) xác nhận không nắm được cách xác định nghĩa của câu hỏi. Khi SV không xác định được nghĩa của câu hỏi thì việc tìm ý tương đương ở trong bài của họ là không khả thi.

Bảng 9. Kỹ thuật đọc hiểu chưa nắm vững

Kỹ thuật đọc hiểu chưa nắm vững	Số SV (%)
Đọc lướt lấy ý chính (<i>skimming</i>)	20
Đọc quét (<i>scanning</i>)	13
Xác định từ khóa	3
Xác định ý tương đương với câu hỏi	69
Xác định nghĩa câu hỏi	32
Không xác nhận	2

Theo bảng 9, chỉ có 3% SV xác nhận họ chưa nắm vững cách xác định từ khóa. Tuy nhiên khi được yêu cầu chọn phương án gạch chân từ khóa cần xem xét để quyết định phát biểu đã cho là *True* hay *False* hay *Not given* theo bài đọc, thì nhiều SV còn tỏ ra mơ hồ và lúng túng khi xem xét các yếu tố cần quan tâm trong câu hỏi.

Bảng 10. Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ nhất *True/ False/ Not given*

Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ nhất <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Lựa chọn A	11
Lựa chọn B	73
Lựa chọn C	15
Không xác nhận	1

A. *Air Traffic Control started after the Grand Canyon crash in 1956.*

B. *Air Traffic Control started after the Grand Canyon crash in 1956.*

C. *Air Traffic Control started after the Grand Canyon crash in 1956.*

Theo bảng 10, có đến 26% SV đã bỏ qua ý quan trọng của câu, với 11% bỏ qua thứ tự sự việc (từ khóa "*after*") và 15% bỏ qua hoạt động sự việc (từ khóa "*started*"). Tương tự trong bảng 11, gần 1/3 SV (32%) tiếp tục bỏ qua hoạt động sự việc (từ khóa "*use*") và / hoặc trạng thái của sự việc (từ khóa "*must*").

Bảng 11. Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ hai *True/ False/ Not given*

Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ hai <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Lựa chọn A	26
Lựa chọn B	67
Lựa chọn C	6
Không xác nhận	1

A. *All aircraft in Class E airspace must use IFR.*

B. *All aircraft in Class E airspace must use IFR.*

C. *All aircraft in Class E airspace must use IFR.*

Đặc biệt với câu nói dài và phức tạp như câu hỏi trong bảng 12 thì có đến 36% SV đã bỏ sót yếu tố quan trọng là phủ định (từ khóa "*fail*") hay sự việc (từ khóa "*ease*") và hoạt động (từ khóa "*lessen*")

Bảng 12. Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ ba *True/ False/ Not given*

Cách gạch chân từ khóa trong câu hỏi thứ ba <i>True/ False/ Not given</i>	Số SV (%)
Lựa chọn A	63
Lựa chọn B	30
Lựa chọn C	6
Không xác nhận	1

A. The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted fails to lessen their significance.

B. The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted fails to lessen their significance.

C. The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted fails to lessen their significance.

Tóm lại, phần lớn SV (71%) thừa nhận *True/ False/ Not given* là câu hỏi khó và nguyên nhân là sự lựa chọn dễ gây nhiễu *Not given* (49%) trong câu hỏi tạo ra, khiến SV khó xác định câu trả lời. Tương tự việc có nhiều lựa chọn *True* hoặc *False* hoặc *Not given* cũng gây không ít khó khăn cho SV (35%), cũng như việc cần diễn dịch câu hỏi để hiểu để xác định ý tương đương trong bài cũng là một vấn đề với SV (34%). Theo bảng khảo sát 3, hạn chế từ vựng là vấn đề của phần lớn SV (70%) khi giải quyết bài tập đọc hiểu IELTS nói chung và bài tập *True/ False/ Not given* nói riêng. Đây là lí do SV chưa đánh giá cao hay áp dụng được kĩ thuật đọc hiểu *skimming* (30%), *scanning* (37%) trong việc tìm thông tin liên quan đến câu hỏi. Tương tự, việc xác định nghĩa của câu hỏi cũng chỉ có 30% SV quan tâm. Tuy chỉ có 3% SV xác nhận chưa nắm vững cách xác định từ khóa trong câu hỏi, thực tế từ 26% đến 36% SV đã không xác định từ khóa cần xem xét khi xác nhận câu trả lời là *True*, *False* hay *Not given* cho các câu hỏi khảo sát.

2.4.3. Một số giải pháp

a. Nâng cao kiến thức từ vựng, cấu trúc câu và hiểu biết xã hội

GV cần nâng cao nhận thức của SV về tầm quan trọng của việc mở rộng kiến thức ngôn ngữ trong việc giải quyết các bài tập đọc hiểu IELTS nói chung và bài tập đọc hiểu *True/ False/ Not given* nói riêng. Bài đọc IELTS với lượng từ, cấu trúc và chủ đề đa dạng, đòi hỏi SV phong phú về từ vựng, cấu trúc, cũng như kiến thức phổ quát về thế giới xung quanh. Việc khuyến khích SV chủ động luyện tập thêm các bài tập từ vựng và các bài tập đọc thêm cần chú trọng để tăng vốn từ và cấu trúc cần thiết cho việc thực hành đọc hiểu IELTS được dễ dàng và hiệu quả, đồng thời khuyến khích SV mở rộng hiểu biết thông qua đọc sách báo và xem thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp việc tiếp nhận thông tin dễ dàng hơn.

GV giảng dạy có trách nhiệm cung cấp các tài liệu đọc thêm song song với chương trình đọc hiểu tại lớp, giúp các em nâng cao vốn từ ngữ, cấu trúc trong ngữ cảnh bài đọc cùng trình độ; đồng thời giúp việc tiếp thu thông tin đa chiều được thuận lợi.

GV cần có kế hoạch giao bài tập về nhà cho SV, kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giúp các em rèn luyện chuyên cần và đạt hiệu quả chất lượng thực hành cao hơn thông qua các phản hồi, điều chỉnh và tương tác với GV. GV cũng cần khuyến khích SV tự học, tự đánh giá, phát triển ý kiến phản biện thông qua tương tác, phản hồi với GV, đặt câu hỏi làm rõ những vướng mắc trong cách làm bài, cũng như các yếu tố cần thiết để giải quyết bài tập một cách hiệu quả như kiến thức văn hóa, xã hội, địa lí, suy luận logic, v.v có liên quan đến bài đọc.

GV cũng cần hướng dẫn cho SV cách lựa chọn tài liệu đọc phù hợp theo nhu cầu phát triển trình độ của cá nhân, tạo tính độc lập, tự chủ trong học tập, tìm hiểu các thông tin về chiến lược, kĩ thuật đọc và các tài liệu luyện tập phù hợp với tiến trình phát triển của bản thân.

b. Nâng cao kĩ thuật làm bài tập đọc hiểu *True/ False/ Not given*

+ Hiểu biết về câu hỏi *True/ False/ Not given*

Câu hỏi này yêu cầu SV trả lời *True*, hoặc *False*, hoặc *Not given* đối với các mệnh đề (*statements*) dựa vào thông tin bài đọc. SV cần hiểu rõ thế nào là *True*, *False* hoặc *Not given*. *True* khi thông tin mệnh đề trùng khớp, hoặc tương đương với thông tin trong bài; *False* khi thông tin mệnh đề đối lập với thông tin trong bài và *Not given* là khi có phần thông tin của mệnh đề không xác định được theo thông tin bài đọc.

Ví dụ:

(1) Mệnh đề: *According to the report, women are getting chances they did not have before.* (Van Geyte, 2011, tr.74) (Theo báo cáo, phụ nữ đang có những cơ hội mà họ chưa từng có trước đây.)

Thông tin được cho: *The report showed changing lifestyles and new opportunities for women.* (Van Geyte, 2011, tr.74) (Bài báo cáo cho thấy những thay đổi trong lối sống và cơ hội mới dành cho phụ nữ.)

Thông tin mệnh đề tương đương với thông tin được cho, vì vậy đây là mệnh đề đúng, câu trả lời là *True*.

(2) Mệnh đề: *The Sahara has spread slowly **northwards** into the Sahel region.* (McCarter & whitby, 2007, tr.9)

Thông tin trong bài đọc: *Unfortunately, over the last century the Sahara desert has steadily crept **southwards** eating into once productive Sahel lands.* (McCarter & Whitby, 2007, tr.7)

Đây là mệnh đề sai, câu trả lời là *False*, do thông tin **northwards** (hướng Bắc) trong mệnh đề đối lập với thông tin trong bài là **southwards** (hướng Nam).

(3) Mệnh đề: *The loss of tree cover is a **minor cause** of desertification.* (McCarter & whitby, 2007, tr.9)

Thông tin trong bài đọc: ***Another cause** of desertification is loss of tree cover.* (McCarter & Whitby, 2007, tr.7)

Mệnh đề này không xác định, câu trả lời là *Not given*, vì thông tin **minor cause** (nguyên nhân thứ yếu) trong mệnh đề không xác định được theo thông tin trong bài (*another cause* - nguyên nhân khác - không rõ thứ yếu hay không).

Với dạng câu hỏi này SV cần nắm vững lí lẽ và suy luận, cần lưu ý một vài nguyên tắc trong suy luận cho SV.

Trước hết, SV cần xác định thông tin được cho trong mệnh đề là giới hạn hay không.

Ví dụ:

(4) Mệnh đề: *Fewer **babies** are being born.* (Van Geyte, 2011, tr.74)

Với mệnh đề này là nói đến trẻ em của tất cả các bà mẹ sinh ra, không giới hạn nhóm bà mẹ nào. Như vậy với thông tin được cho là:

*The proportion of **babies born to those under twenty-five** has halved since 1971.* (Van Geyte, 2011, tr.74)

Chúng ta suy ra mệnh đề trên là *Not given* vì thông tin trong bài chỉ cho số trẻ em của những bà mẹ dưới 25 tuổi, còn số trẻ em của những bà mẹ từ 25 tuổi trở lên không xác định được.

SV cũng cần lưu ý thông tin chính của mệnh đề cần xác định.

Ví dụ:

(5) Mệnh đề: *Men's silk shirts are available in more than **five colours**.* (Cambridge ESOL, 2006, tr.102)

Thông tin được cho: *Silk shirts M (for men) - **five sizes**, in **designer colours**, for that special social occasion* (Cambridge ESOL, 2006, tr.101)

Thông tin cần xác định của mệnh đề là màu sắc (*colours*), không phải kích thước (*sizes*), số 5 (*five*) là thông tin bỏ nghĩa vì vậy SV cần xác định yếu tố chính trước, tiếp theo xác định yếu tố bỏ nghĩa của nó. Như vậy, câu trả lời cho mệnh đề này là *Not given* vì không xác định số lượng màu sắc theo thông tin được cho.

+ Hiểu biết về lựa chọn *Not given*

Một mệnh đề là *Not given* khi thông tin của mệnh đề đó hay một phần mệnh đề đó không được đề cập đến trong bài đọc hoặc không xác định được theo thông tin trong bài.

Ví dụ:

(6) Mệnh đề: *Some students travel from **Armhem Land** to attend Komilda College.* (Cameron & Todd, 2006, tr.81)

Địa danh **Armhem Land** hoàn toàn không được đề cập đến trong bài đọc vì vậy mệnh đề này được xác định là *Not given*.

(7) Mệnh đề: *Edmond Locard is French.* (Van Geyte, 2012, tr.76)

Thông tin được cho: *In 1910, Edmond Locard set up what is thought to be the first police crime laboratory in Lyons in France.* (Van Geyte, 2012, tr.76)

Mệnh đề nói quốc tịch của *Edmond Locard* là nước Pháp nhưng dựa vào thông tin được cho chỉ nói về việc ông thành lập phòng thí nghiệm tại Pháp, chúng ta không suy luận ra được quốc tịch của ông, nên câu trả lời cho mệnh đề này là *Not given*. Tuy nhiên trong một số trường hợp thông tin của mệnh đề có thể suy luận ra từ thông tin được cho.

Ví dụ:

(8) Mệnh đề: *SOCOs need to be able to take photographs*. (Van Geyte, 2012, tr.76)

Thông tin được cho: *Many SOCOs now use photographic and surveying techniques to produce virtual reconstructions of crime scenes that help with their recording and investigation of the scene.* (Van Geyte, 2012, tr.76)

Với thông tin được cho thì mệnh đề này *True*, dựa vào nhu cầu công việc của các nhân viên điều tra hiện trường là cần sử dụng kỹ năng chụp ảnh để tái hiện hiện trường.

Câu hỏi này đòi hỏi khả năng suy luận từ thông tin được cho trong bài, nên khi SV yếu khả năng suy luận thì các em sẽ bị rối với lựa chọn *Not given*.

(9) Mệnh đề: *If evidence is burnt, it cannot be dealt with*. (Van Geyte, 2012, tr. 78)

Thông tin được cho: *Some evidence may have been damaged, for example burnt. Special procedures are then needed.* (Van Geyte, 2012, tr.79)

Mệnh đề bàn về kết quả xử lý của một tình huống - bằng chứng bị cháy, trong khi thông tin trong bài chỉ đề cập đến quá trình xử lý khi bằng chứng bị cháy, còn kết quả có xử lý được hay không thì không đề cập đến. Với thông tin này thì mệnh đề đưa ra là không xác định được, nên câu trả lời là *Not given*.

Vì vậy ngoài việc cần phải hiểu thế nào là lựa chọn *Not given*, SV cần rèn luyện khả năng suy luận và cần nắm rõ nghĩa thông tin mệnh đề để xác định thông tin cần suy luận là gì.

+ Xác định từ khóa và tìm thông tin tương đương

*Xác định từ khóa:

Xác định từ khóa là bước đầu tiên và cơ bản để SV xác định thông tin liên quan cần tìm. Nguyên tắc xác định từ khóa là xác định từ chính trong mệnh đề và xác định theo cụm, giúp SV dễ xác định nghĩa của mệnh đề. Vì việc tìm thông tin liên quan trong bài là đi tìm ý tương đương, hay đồng nghĩa với mệnh đề đã cho, nên SV cần hiểu nghĩa của mệnh đề.

Ví dụ:

(10) *Air Traffic Control started after the Grand Canyon crash in 1956*. (Cambridge ESOL, 2011, tr.25)

Đối với các câu có cấu trúc phức tạp thì SV cần biết cách đơn giản hóa thông tin mệnh đề để việc tìm kiếm thông tin liên quan đạt hiệu quả hơn.

Ví dụ:

(11) *The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted fails to lessen their significance*. (Cambridge ESOL, 2011, tr.73)

Với cách tách thông tin ra làm 2 ý rõ ràng giúp SV dễ nhận biết thông tin liên quan khi đọc bài.

*Tìm thông tin tương đương

Việc tìm thông tin liên quan đến mệnh đề đã cho ưu tiên việc xác định các từ khóa khó tái diễn đạt như tên riêng, con số, chữ viết hoa, vần vần. Ví dụ trong mệnh đề sau:

(11) *Air Traffic Control started after the Grand Canyon crash in 1956*. (Cambridge ESOL, 2011, tr.25)

Air Traffic Control, *Grand Canyon*, *1956* là 3 thông tin được ưu tiên tìm trước hết để xác định phần thông tin liên quan nhanh nhất.

Tiếp theo các từ khóa có thể tái diễn đạt.

Thông tin trong bài: *Rudimentary air traffic control (ATC) existed well before the Grand Canyon disaster*. (Cambridge ESOL, 2011, tr.23)

Với thông tin này, chúng ta tìm thấy ý tương đương hoặc liên quan đến phần còn lại của mệnh đề (*started after; crash*) là phần gạch chân.

SV cũng cần được lưu ý về việc tìm ý tương đương hay liên quan đến mệnh đề không phải lúc nào cũng xảy ra theo cách cụm từ tương đương với cụm từ mà là ý với ý. Ví dụ với mệnh đề sau:

(12) The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted fails to lessen their significance. (Cambridge ESOL, 2011, tr.73)

Phần ý "*The ease with which truly great ideas are accepted and taken for granted*" này có thể được diễn đạt bằng phần đoạn văn thể hiện ý tưởng lớn được phổ biến trong cuộc sống như thế nào như đoạn văn sau:

What we appreciate, enjoy or marvel at in the works of genius or the achievements of prodigies are the manifestations of skills or abilities which are similar to, but so much superior to, our own. But that their minds are not different from our own is demonstrated by the fact that the hard-won discoveries of scientists like Kepler or Einstein become the commonplace knowledge of schoolchildren and the once outrageous shapes and colours of an artist like Paul Klee so soon appear on the fabrics we wear. This does not minimise the supremacy of their achievements, which outstrip our own as the sub-four-minute milers outstrip our jogging. (Cambridge ESOL, 2011, tr.71)

Và nó được liên hệ lại bằng đại từ "This". Như vậy SV cần trang bị khả năng đọc lướt (lấy ý chính) và đọc quét (tìm thông tin cụ thể) để xác định thông tin cần tìm được hiệu quả.

5. Kết luận

Thông qua nghiên cứu này, chúng tôi nhận thấy SV còn gặp nhiều khó khăn trong thực hành câu hỏi đọc hiểu IELTS True/ False/ Not given. Cụ thể, SV thừa nhận việc đa dạng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong các bài đọc hiểu IELTS là trở ngại lớn nhất đối với họ. Kỹ thuật đọc hiểu IELTS cũng khá phức tạp đã khiến cho việc thực hành các bài tập đọc hiểu IELTS trở nên khó khăn. Với câu hỏi True/ False/ Not given, SV xác nhận yếu tố gây nhiều Not given và đa lựa chọn là thách thức lớn nhất cho việc giải quyết câu hỏi này một cách hiệu quả. Tuy biết được kỹ thuật chính để tiếp cận và giải quyết bài tập này là xác định từ khóa và tìm ý tương đương, SV vẫn bỏ sót các kỹ thuật hỗ trợ cơ bản là *skimming* và *scanning*, cũng như xác định nghĩa của các mệnh đề trong câu hỏi trước khi đọc bài. Nhìn chung việc thiếu kiến thức từ vựng, cấu trúc ngữ pháp là mấu chốt cho việc đọc hiểu bài và sử dụng được các kỹ thuật đọc hiểu cần thiết để giải quyết bài tập đọc hiểu IELTS True/ False/ Not given có hiệu quả. Vì vậy GV khi hướng dẫn SV thực hành câu hỏi đọc hiểu True/ False/ Not given cần lưu ý các điểm sau:

- Cần nâng cao nhận thức của SV về việc mở rộng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh và vốn hiểu biết về thế giới xung quanh, khoa học, xã hội, v.v. Đây là các yếu tố cơ bản để giúp SV đọc hiểu tốt hơn và có hiệu quả.

- Để tăng cường khả năng đọc hiểu của SV, GV cần tăng cường kiểm tra, đánh giá, giao bài tập thực hành, cũng như hướng dẫn cách tự luyện tập, tự học, tìm kiếm tài liệu cũng như phương thức luyện tập phù hợp với bản thân mỗi SV.

- Khi hướng dẫn SV kỹ thuật làm bài, GV cần làm rõ các yếu tố lựa chọn trong câu hỏi True/ False/ Not given bằng các ví dụ, giải thích, minh họa để SV hiểu được thế nào là True, False và Not given. Trong đó các điểm cần lưu ý về yếu tố Not given thông qua kinh nghiệm giảng dạy của GV cũng rất cần thiết để củng cố thêm hiểu biết của SV về lựa chọn này.

- Để giải quyết các bài tập đọc hiểu True/ False/ Not given, SV cần nắm vững các kỹ thuật xác định từ khóa, hiểu nghĩa mệnh đề và sử dụng hiệu quả kỹ thuật *skimming* và *scanning* để xác định ý tương đương, trước khi xác định lựa chọn nào là phù hợp trong các lựa chọn True, False hay Not given.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alderson, J. C. (2000), *Assessing Reading*, Cambridge university Press.
2. Cambridge ESOL (2006), *Cambridge IELTS 5*, Cambridge University Press.
3. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge IELTS 8*, Cambridge University Press.

4. Cameron, P., & Todd, V. (2006), *Prepare for IELTS: General Training Modules*, Nhà xuất bản trẻ.
5. Heaton, J. B. (1988), *Writing English Language Tests*, New ed. Harlow/London: Longman.
- Jakeman, V. & McDowell, C. (2006), *Action Plan for IELTS*, Cambridge University Press.
6. Le, N.T.D. (2026), *An Investigation into Reading Comprehension Challenges Faced by First-Year English Pedagogy Students at Quy Nhon University*, Bachelor's thesis, Foreign Languages Department, Quy Nhon University.
7. McCarter, S. & Whitby, N. (2007), *Improve Your IELTS Reading Skills*, Oxford: Macmillan Education.
8. Nguyen, N.T.T. (2016), *A Study on Third-Year English Majors' Common Mistakes in Perception of Reading Techniques*, Bachelor's thesis, Foreign Languages Department, Quy Nhon University.
9. Van Geyte, E. (2011), *Reading for IELTS*, London: HarperCollins Publishers.
10. Van Geyte, E. (2012), *Get Ready for IELTS: Reading*, London: HarperCollins Publishers.
11. Vo, T.D.M, Nguyen, T.B.N., Dao, P.L. & Le, C. T. (2023), *IELTS Reading: Perceived Challenges and Strategies by Vietnamese University English Majors*, Journal of Education and Practice, 14(28). DOI: 10.7176/JEP/14-28-03.
12. Vo, V.N. (2017), *An Investigation into the Ways to Do True/ False/ Not Given Tasks in IELTS Reading Module of Third-Year English Majors at Quy Nhon University*, Bachelor's thesis, Foreign Languages Department, Quy Nhon University.

Difficulties in practice of IELTS reading comprehension task True/ False/ Not given among third-year English-majors of Quy Nhon university

Abstract: Today, IELTS has become an international English language testing system accredited around the world, therefore, teaching and learning language skills in this system are appreciated. Among these, reading comprehension requires mastery of a wide range of English vocabulary, complex structures, reading techniques and general knowledge related to the reading passages in an IELTS test within a limited period of time, hence posing considerable challenges to students in IELTS tests. Apart from these, challenging task types in IELTS reading tests, including True/ False/ Not given, demanding students' flexible application of diverse complicated reading techniques, are also another problem to students' reading practice. This article discussed problems concerning the practice of True/ False/ Not given tasks among Quy Nhon University third-year English-majors, thereby making suggestions on solutions to them.

Key words: Difficulties; reading skill; IELTS reading; True/ False/ Not given tasks; solutions.